

Số: /BC-UBND

Cát Hải, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý 3 năm 2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải đã ban hành các văn bản:

+ 03 Kế hoạch: Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 30/7/2025 triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước đặc khu Cát Hải 6 tháng cuối năm 2025; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 26/8/2025 phát động phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn đặc khu Cát Hải” năm 2025; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 30/7/2025 thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước đặc khu Cát Hải (giai đoạn 2026 - 2030).

+ 03 Công văn: Công văn số 89/UBND-VHXXH ngày 11/7/2025 về việc duy trì chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng về phục vụ hành chính; Công văn số 521/UBND-VHXXH ngày 07/8/2025 cung cấp thông tin nhận bản tin cải cách hành chính; Công văn số 871/UBND-VHXXH ngày 28/8/2025 về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

+ 01 Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 thành lập Ban chỉ đạo của UBND đặc khu Cát Hải về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06/CP và cải cách hành chính.

- UBND đặc khu Cát Hải đã hoàn thành việc tổ chức đối thoại giải đáp, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành: 7/24 đạt 29%

+ Số nhiệm vụ đang triển khai 17/24 đạt 71%.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính: cổng thông tin điện tử đã đăng tải 191 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành.

- Tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ (từ ngày 01/07/2025 đến ngày 03/9/2025); Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân đặc khu:

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 19.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 15.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 01 (Nhiệm vụ được giao cho Phòng Kinh tế).

- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

- Số nhiệm vụ đang triển khai trong hạn: 03.

- Tính đến thời điểm hiện tại có 01 sáng kiến cấp thành phố công nhận:
“Giải pháp sử dụng ứng dụng nhóm Zalo tạo lịch nhắc việc, giao việc trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính”

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật; 100% văn bản quy phạm pháp luật đều được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự.

- Ủy ban nhân dân đặc khu đã ban hành các văn bản tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn đặc khu Cát Hải năm 2025; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn thi hành; Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn đặc khu Cát Hải. Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; ban hành văn bản triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; đồng thời, đã tham mưu UBND đặc khu cử công chức đầu mối công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/7/2025 về triển khai thực hiện Đề án *“Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”* trên địa bàn đặc khu Cát Hải; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 01/8/2025 về truyền thông, phổ biến các Luật, Nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 9, các văn bản liên quan đến phân quyền, phân cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 Hải Phòng tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN cho nhân dân trên địa bàn thôn 1, thôn 2 Gia Luận, đặc khu Cát Hải.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: tự kiểm tra 06 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành. Kết quả, các văn bản đều được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách Thủ tục hành chính

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Phần đầu trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết:

Tổng số: 371 thủ tục hành chính, trong đó:

+ Lĩnh vực Kinh tế: 226 thủ tục hành chính.

+ Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội: 110 thủ tục hành chính.

+ Lĩnh vực Công an: 35 thủ tục hành chính.

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp (Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp,...):

+ Về nhân sự: Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu có 12 người (gồm 01 Giám đốc- Phó Chủ tịch UBND đặc khu kiêm nhiệm, 01 Phó Giám đốc và 10 chuyên viên). Có trình độ, năng lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Về hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc: đã trang bị cơ bản đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo theo Quyết định số 50/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Các thiết bị máy tính làm việc của cán bộ, công chức đơn vị đã cơ bản được cài đặt phần mềm xử lý văn bản, ký số, diệt vi rút, hệ thống quản lý mã độc,...

+ Triển khai hệ thống chữ ký số, phần mềm điều hành, một cửa điện tử: Đã trang bị cơ bản đảm bảo theo Quyết định số 50/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Các thiết bị máy tính làm việc của cán bộ, công chức đơn vị đã cơ bản được cài đặt phần mềm xử lý văn bản, ký số, diệt vi rút, hệ thống quản lý mã độc.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: từ ngày 01/7/2025 đến nay, đã thực hiện số hóa 979 hồ sơ/21.583 trang hồ sơ tài liệu. Để đảm bảo hoạt động phục vụ công tác số hóa hồ sơ, đã bố trí đảm bảo về nhân sự, cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị,...; các dữ liệu sau số hóa “đúng, đủ, sạch, sống” theo yêu cầu; có khả năng chia sẻ, tái sử dụng lại một cách đồng bộ, liên thông.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: từ ngày 01/7/2025 đến ngày 04/9/2025, thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 1.109 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ trực tuyến: 1.034 hồ sơ; tỷ lệ đạt: 93,24%.

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, qua bưu chính: 75 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 1.023 hồ sơ.

- Số hồ sơ đang giải quyết: 58 hồ sơ (trong hạn).

- Số hồ sơ quá hạn: Không.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định thủ tục hành chính: công tác tiếp nhận, xử lý, giải

quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính luôn được chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc; góp phần đảm bảo tính minh bạch, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/8/2025, Ủy ban nhân dân đặc khu không tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính - kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: qua quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại đơn vị, hằng ngày, hằng tuần thực hiện tổng hợp, lượng hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để phân công, hỗ trợ xử lý kịp thời, đảm bảo chỉ tiêu, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định. Kết quả vận hành từ ngày 01/7/2025 đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ 4.663 lượt công dân đến giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết 1.109 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của các tổ chức, cá nhân liên quan. Với khối lượng công việc lớn, kết quả đánh giá việc xử lý, tiếp nhận, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đều đảm bảo tiến độ, yêu cầu theo quy định.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

- 100% các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn đặc khu đã ban hành quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

- Sau sắp xếp giảm 04 đơn vị trường học và giảm 03 đơn vị sự nghiệp thuộc đặc khu Cát Hải.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

+ Tổng số biên chế được giao: 138 người

+ Số biên chế đã tinh giản: 25 người

+ Số biên chế đến thời điểm hiện tại: 113 người.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

+ Tổng số người làm việc được giao: 584 người

+ Số người làm việc đã tinh giản: 02 người

+ Số người làm việc đến thời điểm hiện tại: 519 người.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền đã góp phần thực hiện cải cách hành chính, rút ngắn quy trình, giảm trung gian, giảm thủ tục và thời gian, nâng cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, đề cao vai trò quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị; việc phân cấp, ủy quyền gắn với giảm thủ tục hành chính, không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế lao động để thực hiện nhiệm vụ.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Ủy ban nhân dân đặc khu đang triển khai hướng dẫn xây dựng quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm công chức, viên chức.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị về giờ giấc làm việc, hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng quy định; không có trường hợp cán bộ, công chức viên chức và người lao động vi phạm về kỷ luật, kỷ cương công vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý Tài chính - Ngân sách:

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được thành phố giao: Thu ngân sách đặc khu Cát Hải tính đến 31/8/2025 213.468 triệu đồng, bằng 100,2% dự toán giao.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: đến hết ngày 31/8/2025 đạt: 207,275 tỷ đồng/544,188 tỷ đồng, bằng 38,1% kế hoạch, trong đó:

(1) Vốn ngân sách thành phố: 51,749 tỷ đồng/264,270 tỷ đồng, đạt 19,6%;

(2) Vốn ngân sách đặc khu: 155,526 tỷ đồng/279,918 tỷ đồng, đạt 55,6%.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không có

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện đúng theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: UBND đặc khu đã ban hành Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp năm 2025. Các đơn vị sự nghiệp đang thực hiện theo đúng quy định.

(có biểu mẫu 01,02,03,04,05,06,07 gửi kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong quý 3/2025, các nhiệm vụ về cải cách hành chính tại đặc khu được chỉ đạo, triển khai kịp thời; công tác rà soát, đánh giá các chỉ tiêu theo Bộ Chỉ số cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên; tổ chức bộ máy được sắp xếp, hoạt động hiệu quả; phối hợp rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc; công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định; thủ tục hành chính các lĩnh vực được công khai kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp tra cứu, thực hiện thủ tục hành chính...

2. Hạn chế và nguyên nhân: vẫn còn 01 nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Về cải cách thể chế

Thực hiện công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp đảm bảo chất lượng và tiến độ theo Kế hoạch.

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và kiểm tra văn bản pháp luật; công tác theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính; quản lý nhà nước về hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp; trợ giúp pháp lý theo tiến độ và nội dung các kế hoạch.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC nhằm triển khai có chất lượng, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ đột xuất của Trung ương, thành phố, Văn phòng UBND thành phố.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và trả kết hồ sơ trực tuyến đối với toàn bộ TTHC đủ điều kiện thực hiện; thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến.

Đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 95% mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC; trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn đặc khu xây dựng lại đề án vị trí việc làm.

4. Cải cách chế độ công vụ

Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; theo tinh thần “Đoàn kết - Trách nhiệm - Kỷ cương - Hiệu lực - Hiệu quả”.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện công khai, minh bạch, cập nhật và hướng dẫn rõ ràng 100% thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Tài chính, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư .

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm đảm bảo về chất lượng và thời gian thực hiện, không để hồ sơ quá hạn, tồn đọng.

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện cao nhất kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Thực hiện hiệu quả hồ sơ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tỷ lệ 100% theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện việc duy trì, áp dụng và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 và ISO 18091:2020; thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng, Kế hoạch Duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Các phòng chuyên môn thuộc đặc khu;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Viết Điện

Biểu mẫu 01
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	07 văn bản	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	29%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	07	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	dự kiến trong quý 4/2025
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	19	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	15	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	01	
	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
4.2.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
4.3.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 02
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	06	
	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	06	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 03
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	%	Số hồ sơ đã giải quyết: 1.023/1.109 hồ sơ; đạt 92,2%	
1.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.023	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1.023	
2.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	Không	
	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	Không	

Biểu mẫu 04
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	138	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	113	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	25	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	584	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	519	
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	02	

Biểu mẫu 05
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	đang triển khai	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	đang triển khai	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	đang triển khai	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 06
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	38,1	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	544.188	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	207.275	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		23	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	20	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 07
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
1.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
1.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	149	
1.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	149	
1.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	0	
1.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	0	
1.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	0	
1.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	93,24%	
1.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	1.109	
1.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	1.034	
1.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%		
1.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ		
1.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ		
1.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
1.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	100%	
1.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	100%	